

1	2	3
15	Các loại dịch vụ khác Riêng: Dịch vụ vệ sinh, thoát nước đường phố; tang lễ	4 0
16	Dịch vụ đặc biệt: a) Mỹ viện b) Khiêu vũ c) Ka-ra-ô-kê, tắm hơi, mát xa d) Đua ngựa e) Kinh doanh sân gôn g) Xổ số kiến thiết và các hình thức xổ số khác Riêng: Xổ số kiến thiết các tỉnh miền núi và các hình thức xổ số cào biết kết quả ngay, xổ số lô tô g) Đại lý tàu biển h) Môi giới i) Quảng cáo	10 30 20 20 20 30 20 30 15 10

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 97-CP ngày 27-12-1995 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và các Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 5 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Điều 1.- Tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế (dưới đây gọi chung là cơ sở) có sản xuất, nhập khẩu các mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đều thuộc đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 2.- Mỗi mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt một lần. Nguyên tắc này được áp dụng cụ thể như sau:

1. Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán những mặt hàng này chỉ phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt mà không phải nộp thuế doanh thu khâu sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất có tổ chức chi nhánh, cửa hàng tiêu thụ sản phẩm thì nộp thuế tiêu thụ đặc biệt tại nơi sản xuất và nộp thuế doanh thu theo hoạt động kinh doanh thương nghiệp tại chi nhánh, cửa hàng nơi tiêu thụ sản phẩm.

Cơ sở sản xuất khi nộp thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu trước (nếu có).

2. Cơ sở nhập khẩu mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi nhập khẩu và nộp thuế doanh thu khi bán hàng.

Điều 3.- Hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nếu xuất khẩu, nhập khẩu không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt trong các trường hợp sau đây:

1. Hàng hóa do cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu, hoặc trực tiếp gia công cho nước ngoài.

2. Hàng hóa do cơ sở sản xuất bán hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh trực tiếp xuất khẩu theo hợp đồng kinh tế và giấy phép xuất khẩu.

Trường hợp cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất để xuất khẩu, nhưng không xuất khẩu mà đem bán trong nước thì ngoài việc phải nộp thuế doanh thu theo hoạt động kinh doanh thương nghiệp, còn phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

3. Hàng viện trợ không hoàn lại.

4. Hàng nhập khẩu thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng tiêu chuẩn miễn trừ do Chính phủ quy định phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

5. Hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt chuyển khẩu, vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu biên giới Việt Nam trên cơ sở hiệp định đã ký kết giữa hai Chính phủ hoặc ngành, địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép đã làm đầy đủ thủ tục hải quan.

6. Hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tạm nhập để tái xuất (kể cả hàng dự hội chợ triển lãm), nếu thực tái xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế quy định (30 ngày) thì không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số hàng thực tái xuất. Nếu quá thời hạn trên thì phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phần chưa xuất khẩu và được hoàn lại thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số hàng thực tái xuất khẩu.

7. Hàng là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để sản xuất hàng xuất khẩu, nếu thực tế có hàng xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế (90 ngày) thì không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với số vật tư, nguyên liệu nhập khẩu tương ứng với số hàng thực tế xuất

khẩu. Nếu quá thời hạn nộp thuế (trên 90 ngày) thì phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Khi có hàng thực tế xuất khẩu thì sẽ được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp cho số vật tư, nguyên liệu tương ứng với số hàng thực tế xuất khẩu.

Riêng vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để gia công cho nước ngoài được miễn thuế.

8. Hành lý mang theo trong tiêu chuẩn xuất nhập cảnh theo quy định của Chính phủ.

Đối với hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ thu đối với hàng thực nhập khẩu. Trường hợp kê khai nhiều hơn số hàng hóa thực nhập khẩu thì được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp cho số hàng hóa kê khai nhiều hơn thực nhập.

Các trường hợp khác, ngoài các trường hợp không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt nêu trên đều phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi nhập khẩu, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

Chương II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ BIỂU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Điều 4.- Căn cứ tính thuế đối với hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là số lượng hàng hóa, giá tính thuế đơn vị hàng hóa và thuế suất.

Điều 5.- Số lượng hàng hóa tính thuế tiêu thụ đặc biệt được quy định như sau:

1. Đối với hàng sản xuất trong nước là số lượng, trọng lượng hàng hóa tiêu thụ bao gồm cả số lượng, trọng lượng của mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt xuất ra để bán, để trao đổi, để biếu tặng người khác hoặc tiêu dùng sinh hoạt nội bộ của cơ sở.

2. Đối với hàng nhập khẩu là số lượng, trọng lượng ghi trong tờ khai hàng hóa nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân có hàng nhập khẩu.

Điều 6.- Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt:

1. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng sản xuất trong nước là giá do cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra tại nơi sản xuất chưa tính thuế tiêu thụ đặc biệt.

Đối với hàng gia công, hàng đem biếu tặng, hàng tiêu dùng nội bộ, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế của mặt hàng cùng loại hoặc của mặt hàng tương đương.

Đối với cơ sở sản xuất nộp thuế trên cơ sở khoán số lượng hàng hóa sản xuất tiêu thụ thì cơ quan Thuế tính, thành phố căn cứ vào giá cả thị trường để xác định giá bán và giá tính thuế.

2. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu cộng (+) thuế nhập khẩu. Đối với các trường hợp hàng

nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các mặt hàng này vẫn tính đủ yếu tố thuế nhập khẩu.

Điều 7.- Mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo biểu sau:

Thứ tự	Mặt hàng	Thuế suất (%)
1	Thuốc hút	
	a) Thuốc lá điếu có đầu lọc sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu	70
	b) Thuốc lá điếu có đầu lọc sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu trong nước	52
	c) Thuốc lá điếu không có đầu lọc, xì gà sản xuất trong nước	32
	d) Thuốc lá điếu, xì gà nhập khẩu	70
2	Rượu	
	a) Rượu thuốc	15
	b) Các loại rượu khác (kể cả cồn etilic)	
	- Trên 40°	90
- Từ 30° đến 40°	75	
- Dưới 30°, kể cả rượu hoa quả	25	
3	Bia các loại	90
	- Riêng bia hộp	75
4	Các loại pháo hoa, pháo hiệu, pháo mưa, pháo hiệu sương mù... (trừ pháo nổ)	100
5	Ô-tô nhập khẩu (kể cả dạng SKD)	
	- Ô-tô loại từ 5 chỗ ngồi trở xuống	100
	- Ô-tô từ 6 đến 15 chỗ ngồi	60
	- Ô-tô từ 16 đến 24 chỗ ngồi và các loại ô-tô, xe cộ khác thiết kế vừa chở người vừa chở hàng, xe lam	30
6	Xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng	15

1. Thuốc lá điếu có đầu lọc, sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu là loại thuốc lá sử dụng nguyên liệu sợi thuốc nhập khẩu từ 51% trở lên so với nguyên liệu sợi thuốc cần dùng cho sản phẩm đó.

2. Mặt hàng rượu, bia, pháo (trừ pháo nổ), xăng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bao gồm cả hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu.

3. Rượu thuốc chịu thuế suất 15% phải có đăng ký sản phẩm và giấy phép hoạt động của cơ sở sản xuất do Bộ Y tế cấp. Nếu không đủ những

điều kiện này thì nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo thuế suất của loại rượu có độ tương ứng.

4. Ô-tô và các loại xe cộ khác nhập khẩu (nguyên chiếc và dạng SKD) chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là loại nằm trong nhóm hàng mã số 8703 Biểu thuế nhập khẩu hiện hành.

Bộ Tài chính bàn thống nhất với các ngành liên quan, quy định chi tiết các mặt hàng cụ thể chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc nhóm "xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng".

Chương III

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ VÀ
VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

Điều 8.- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải kê khai đăng ký với cơ quan Thuế về vốn, lao động, mặt hàng, địa điểm sản xuất kinh doanh chậm nhất là năm ngày, trước khi bắt đầu hoạt động hoặc sáp nhập, phân chia, thay đổi địa điểm. Trường hợp giải thể hoặc thay đổi kinh doanh phải khai báo với cơ quan Thuế chậm nhất là 5 ngày trước khi giải thể hoặc thay đổi kinh doanh.

Điều 9.- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải kê khai nộp thuế theo quy định sau đây:

1. Đối với hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt sản xuất trong nước, cơ sở sản xuất kê khai và nộp tờ khai tổng hợp thuế tiêu thụ đặc biệt của tháng trước cho cơ quan Thuế trong thời hạn 5 ngày đầu của tháng sau và nộp đủ số thuế còn thiếu theo thông báo của cơ quan Thuế.

Trường hợp không phát sinh thuế tiêu thụ đặc biệt, cơ sở sản xuất vẫn phải nộp tờ khai tổng hợp thuế cho cơ quan Thuế theo quy định.

2. Đối với hàng nhập khẩu, thời điểm kê khai và tính thuế tiêu thụ đặc biệt là ngày đăng ký tờ khai hàng nhập khẩu. Trong thời hạn 8 giờ kể từ khi đăng ký tờ khai hàng nhập khẩu, cơ quan thu thuế thông báo chính thức số thuế phải nộp cho đối tượng nộp thuế.

Điều 10.- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ theo các quy định hiện hành.

Khi cơ quan thu thuế có yêu cầu về tài liệu, sổ liệu và căn cứ có liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra tính thuế, cơ sở sản xuất kinh doanh có nhiệm vụ:

1. Cung cấp đầy đủ, đúng hạn các hồ sơ, tài liệu, sổ liệu và căn cứ có liên quan đến việc tính thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Giải thích, chứng minh các khoản chưa rõ trong tờ khai thuế, sổ sách, chứng từ kế toán.

Cơ sở sản xuất kinh doanh không được viện lý do bí mật nghề nghiệp hoặc lý do khác để từ chối xuất trình, cung cấp hoặc giải thích các tài liệu theo yêu cầu của cơ quan Thuế.

Cơ quan thu thuế phải giữ bí mật về những tài liệu do cơ sở sản xuất kinh doanh cung cấp.

Điều 11.- Thuế tiêu thụ đặc biệt do cơ sở sản xuất, nhập khẩu nộp. Nơi nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là nơi làm thủ tục nhập khẩu; đối với hàng hóa sản xuất trong nước là nơi cơ sở trực tiếp sản xuất loại hàng hóa đó. Trường hợp sản xuất nhỏ phân tán, thuế tiêu thụ đặc biệt có thể do tổ chức, cá nhân thu mua nộp thay cho người sản xuất theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 12.- Việc nộp thuế tiêu thụ đặc biệt quy định như sau:

1. Cơ sở sản xuất có số thuế phát sinh lớn phải kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi bán hàng, trả hàng gia công theo thông báo của cơ quan Thuế. Cơ quan Thuế cử cán bộ thường xuyên kiểm tra và đôn đốc để cơ sở nộp thuế kịp thời vào Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp xuất hàng chưa thu được tiền thì hạn nộp thuế là ngày thu được tiền, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày phát hành thông báo thuế.

Đối với cơ sở sản xuất nhỏ, trên cơ sở khoán số lượng hàng hóa sản xuất tiêu thụ, thuế tiêu thụ đặc biệt nộp theo định kỳ vào ngày 10, ngày 20 và ngày cuối tháng theo thông báo của cơ quan Thuế.

Trường hợp thuế tiêu thụ đặc biệt thu vào cơ sở thu mua thì cơ sở thu mua phải kê khai với cơ quan Thuế nơi thu mua và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo từng lô hàng thu mua hoặc theo từng chuyến hàng trước khi vận chuyển. Giá tính thuế trong trường hợp này là giá mua tại nơi thu mua chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Cơ sở nhập khẩu nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo thông báo thuế của cơ quan thu thuế nhưng thời gian nộp chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thuế.

Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu phi mậu dịch và tiểu ngạch biên giới phải nộp ngay khi nhập khẩu vào Việt Nam. Cơ quan thu thuế phải cấp biên lai khi thu thuế đối với trường hợp này.

Điều 13.-

1. Hàng sản xuất trong nước chịu thuế tiêu thụ đặc biệt khi vận chuyển phải có biên lai nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc hóa đơn bán hàng đã đăng ký tại cơ quan Thuế.

2. Hàng nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt khi vận chuyển phải có biên lai nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thông báo nộp thuế tiêu thụ đặc biệt

kèm theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu đã được cơ quan Thuế kiểm tra, xác nhận.

Điều 14.- Bộ Tài chính phát hành, quản lý các loại chứng từ, tờ khai về thuế tiêu thụ đặc biệt.

Chương IV

GIẢM THUẾ, MIỄN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Điều 15.- Việc giảm thuế, miễn thuế tiêu thụ đặc biệt quy định như sau:

1. Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ được xét giảm thuế tiêu thụ đặc biệt. Mức giảm được tính theo tỷ lệ (%) thiệt hại về tài sản, nhưng không quá 50% số thuế phải nộp và số tiền thuế được giảm không quá 30% giá trị tài sản bị thiệt hại. Thời gian giảm thuế không quá 180 ngày kể từ sau thời điểm xảy ra thiệt hại và có xuất hàng;

2. Cơ sở sản xuất mới thành lập hoặc cơ sở mở rộng sản xuất, áp dụng công nghệ sản xuất mới, nếu nộp đủ thuế tiêu thụ đặc biệt mà bị lỗ được xét giảm thuế theo từng năm.

Mức giảm thuế tương ứng với số lỗ của từng năm (tính theo năm dương lịch) nhưng không quá 30% (ba mươi phần trăm) số thuế phải nộp của năm đó. Thời gian được xét giảm thuế không quá hai năm (24 tháng).

Cơ sở sản xuất mới thành lập là cơ sở mới được đầu tư xây dựng, được cấp giấy phép sản xuất. Những cơ sở đã thành lập trước đây, nay chia tách, sáp nhập, đổi tên, giải thể rồi thành lập lại không thuộc đối tượng xét giảm thuế theo Quy định này.

Trường hợp giảm thuế cho cơ sở mở rộng sản xuất hoặc áp dụng công nghệ mới chỉ xét trên phần hàng hóa tăng thêm so với sản lượng trước đó.

3. Đối với những cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, nếu khả năng không nộp đủ được theo mức thuế quy định thì Bộ Tài chính căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh, giá cả thị trường, quyết định mức và thời gian miễn, giảm thuế cho từng trường hợp cụ thể.

4. Các trường hợp miễn, giảm khác, Bộ Tài chính trình Chính phủ quyết định miễn, giảm cho từng trường hợp cụ thể.

Bộ Tài chính quy định thủ tục kê khai xin miễn thuế, giảm thuế và quy định thủ tục, thẩm quyền xét miễn thuế, giảm thuế quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 16.- Chính phủ có quy định riêng về chế độ khen thưởng đối với tổ chức và cá nhân có công trong việc thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và chế độ xử phạt đối với tổ chức và cá nhân vi phạm Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 17. - Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1996 thay thế Nghị định số 56-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Những quy định khác về thuế tiêu thụ đặc biệt trước đây trái với các quy định của Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 18. - Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Bộ Tài chính ủy nhiệm cho Tổng cục Hải quan tổ chức việc thu thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu cùng với việc thu thuế nhập khẩu.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 98-CP ngày 27-12-1995 quy định việc thi hành Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 31 tháng 8 năm 1994;